

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 11 – 02 – 2020
“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngụy Mộng Cầm**

2. Ông **Nguyễn Minh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Nương** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông **Trần Hoàng Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Thái Thị Hồng L**, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường B, thành phố V.

-Bị đơn: 1/ Bà **Nguyễn Thủy Uyên Th**, sinh năm 1970 (vắng)

2/ Ông **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1969 (vắng)

Cùng địa chỉ: Số C, đường D, Phường E, Tp V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2020 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà L trình bày:

Ngày 01/01/2018, bà có cho vợ chồng bà Th, ông H vay số tiền 1.900.000.000đ, có viết biên nhận, thời gian vay đến ngày 01/6/2018. Nhưng đã qua thời hạn thanh toán mà bà Th, ông H không trả nợ theo thỏa thuận. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Th, ông H có nghĩa vụ trả số tiền 1.900.000.000đ và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/3/2018 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 01/7/2019 là 536.180.000đ.

Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng bà Th, ông H vắng mặt nên không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 20/01/2020 và yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi 1,66%/tháng từ 01/3/2018 đến ngày xét xử bằng 735.933.333đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238 BLTTDS 2015; Điều 463, 466, 468, 470 BLDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Th ông H có nghĩa vụ trả bà L số tiền vốn lãi 2.109.506.667đ. Về án phí: bị đơn chịu 74.190.000đ, nguyên đơn phải chịu 25.057.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn tranh chấp số tiền vay 1.900.000.000đ nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, thời điểm giao kết hợp đồng bị đơn có nơi cư trú thuộc địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015).

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Th, ông H nhiều lần đến Tòa nhưng bà Th, ông H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết. Căn cứ Điều 227 BLTTDS 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về điều luật áp dụng: bà Thái Thị Hồng L có cho bà Nguyễn Thủy Uyên Th, ông Nguyễn Tấn H vay 1.900.000.000đ theo biên nhận ngày 01/01/2018, thời hạn thanh toán là 06 tháng, do đó áp dụng BLDS năm 2015 và các văn bản có liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung: Bà Th, ông H vay tiền của bà L là sự việc có thật được chứng minh bằng biên nhận ngày 01/01/2018, bà Th, ông H có ký tên, đồng thời bà Th và ông H cũng có thừa nhận số nợ theo biên bản ghi lời khai tại Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long. Tòa án đã triệu tập các đương sự theo đúng trình tự BLTTDS đến Tòa để hòa giải nhưng các lần bà Th, ông H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Đến nay bà Th, ông H chưa trả nợ cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà L khởi kiện yêu cầu bà Th, ông H có nghĩa vụ trả số tiền nợ 1.900.000.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 463,466 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về lãi suất: bà L yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/3/2018 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung biên nhận ngày 01/01/2018 không thể hiện lãi suất khi vay. Bà L thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, bà có nhận lãi 02 tháng (BL14). Bà Th khai là đóng lãi 3%/ngày, bà đã đóng từ ngày vay đến đầu tháng 3 (dl) thì không còn khả năng trả. Các đương sự có lời khai, trình bày về mức lãi suất khác nhau nghĩa là có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015. Đến khi kết thúc hợp đồng vay giữa các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả, do đó căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 để làm căn cứ tính lãi suất.

Về thời gian đóng lãi thì nguyên đơn và bị đơn đều xác định đến đầu tháng 3 (dl) là ngưng giao nhận tiền lãi. Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn được 02 tháng với số tiền: 1.900.000.000đ x 5%/tháng x 2 tháng = 190.000.000đ. Mức lãi suất được áp dụng cho yêu cầu tính lãi của bà L là 0,833%/tháng từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử. Cụ thể:

- 1.900.000.000đ x 0,833%/tháng x 25 tháng 10 ngày (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 11/02/2020) = 399.506.667đ. Khấu trừ 190.000.000đ số tiền lãi bị đơn đã đóng, buộc bị đơn phải trả lãi 209.506.667đ.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Th, ông H phải liên đới chịu 5%/số tiền buộc trả (5% x 2.109.506.667đ). Bà L phải chịu án phí 5% phần lãi suất không được chấp nhận (735.933.333đ – 209.506.667đ = 526.426.666đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463,466,468,357 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147,238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Hồng L.

Buộc bà Nguyễn Thủy Uyên Th và ông Nguyễn Tấn H có trách nhiệm liên đới trả bà Thái Thị Hồng L số tiền vay vốn 1.900.000.000đ, lãi 209.506.667đ, tổng cộng 2.109.506.667đ (*Hai tỷ một trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th, ông H phải liên đới chịu án phí 74.109.000đ (*bảy mươi bốn triệu một trăm lẻ chín ngàn đồng*).

Bà L phải chịu án phí 25.057.000đ (*hai mươi lăm triệu không trăm mười bảy ngàn đồng*) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 40.362.000đ (*bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) theo lai thu số 0004802 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp Vĩnh Long. Hoàn trả bà L 15.305.000đ (*mười lăm triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 03b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ